

Số: 1738389

|                                            | Kia Soluto AT Luxury | Kia Soluto MT      |
|--------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Listed price:                              | 449.000.000đ         | 386.000.000đ       |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                      |                    |
| Overall size (mm)                          | 4300 x 1700 x 1460   | 4300 x 1700 x 1460 |
| The standard long (mm)                     | 2570                 | 2570               |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5200                 | 5200               |
| Ground clearance (mm)                      | 150                  | 150                |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1040                 | 1030               |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1490                 | 1480               |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 475                  | 475                |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 43                   | 43                 |
| Number of seats                            | 5                    | 5                  |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước     | SX-LR trong nước   |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                      |                    |
| Loại động cơ                               | Xăng, Kappa 1.4L     | Xăng, Kappa 1.4L   |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1368                 | 1368               |
| Maximum power (hp @ rpm)                   | 94 / 6000            | 94 / 6000          |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 132 / 4000           | 132 / 4000         |
| Gear                                       | 4AT                  | 5MT                |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)      | Cầu trước (FWD)    |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson           | Mc Pherson         |
| Rear suspension                            | Thanh xoắn           | Thanh xoắn         |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                  | Đĩa                |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                  | Tang trống         |
| Thông số lốp xe                            | 174/70 R14           | 174/70 R14         |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.73                 | 7                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.52                 | 4.76               |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.7                  | 5.59               |
| NGOẠI THẤT:                                |                      |                    |
| Cụm đèn trước                              | Halogen              | Halogen            |
| Đèn ban ngày LED                           | LED                  |                    |
| Đèn sương mù                               | Halogen              | Halogen            |
| Cụm đèn sau                                | Halogen              | Halogen            |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                    | Chỉ chỉnh điện     |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                      |                    |
| Vô lăng bọc da                             | ●                    |                    |
| Chất liệu ghế                              | Da                   | Simili             |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                    | ●                  |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                    | ●                  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                    | ●                  |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 2.8" LCD             | 2.8" LCD           |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 7"               |                    |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                    | 1                  |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                    | ●                  |
| Khởi động nút bấm                          | ●                    |                    |
| Remote start                               | ●                    |                    |

|                                            |       |       |
|--------------------------------------------|-------|-------|
| Sound system                               | 6 loa | 4 loa |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |       |       |
| Số túi khí                                 | 2     | 2     |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●     | ●     |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●     | ●     |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●     |       |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●     |       |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●     |       |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●     |       |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●     |       |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●     |       |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau   |       |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | ●     |       |
| Camera lùi                                 | ●     |       |